

Bản án số: 80 /2023/DS-ST

Ngày: 31/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi

Các Hội thẩm nhân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Bà Lê Thị Hạnh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Linh – Thư ký tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34 /2023/TLST-DS ngày 17/4/2023 về việc tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 18/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-DS ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1958 (Có mặt)

HKTT và trú tại : Căn hộ 1009 tòa S1 khu nhà ở VP-DV- số 136 Hồ Tùng Mậu, tổ dân phố 12 , phường Phú D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thu T, sinh năm 1969 (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/5/2023); *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim M, Văn phòng luật sư Nguyễn Minh, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Anh Nghiêm Xuân H1 sinh năm :1978 . Địa chỉ :Số 376 đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Viên 5, phường Cổ N, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong các bản khai tại tòa án , nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Năm 2002, gia đình bà có mua của bà nội anh Nghiêm Xuân H1 là cụ Đàm Thị T1 một phần của mảnh đất có địa chỉ tại xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là Số 9 – Ngõ 368 Đường Cổ Nhuế - Phường Cổ N – Quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội). Khi ấy vợ chồng bà ở Hải Phòng, chưa làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất được, nhưng sau khi làm giấy tờ mua bán thì gia đình bà chuyển đến đó

sinh sống tại phần đất đã mua của cụ Đàm Thị T1, cùng các con, cháu của cụ T1. Bà cụ T1 là người tốt, bà coi cụ như mẹ của mình vì vợ chồng bà đều bằng tuổi con của cụ T1 - là bố mẹ của anh H1. Bà sống chung cùng một mảnh đất đã mua của cụ T1, sớm lửa tắt đèn có nhau, đúng nghĩa “bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Bà và bố của anh H1 là ông Nghiêm Xuân T2, sinh năm 1953 coi nhau như anh em kết nghĩa, vì vậy bà cũng coi các con của ông T2 như con của mình. Hai vợ chồng bà đều là giáo viên, làm nghề dạy biết bao lứa học trò hướng thiện, sống có đạo đức, sống có trước sau. Qua tâm sự và trò chuyện anh H1 biết vợ chồng bà có chút tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng, biết vợ chồng bà tin người, dễ dãi nên khi anh H1 hỏi vay tiền, bà không ngại ngần rút tiền ra cho vay mà không cần viết giấy tờ gì. Anh H1 nói: Khi nào bà cần thì báo trước anh H1 sẽ gửi tiền trả bà. Năm 2011, bà rút tiền tiết kiệm tại ngân hàng với số tiền là 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) cho anh H1 vay, tin tưởng đến nỗi cho vay không cần giấy tờ. Qua hai năm, bà liên tục hỏi để lấy lại số tiền đã cho anh H1 vay thì anh H1 không trả, lúc đó, bà mới yêu cầu H1 viết Giấy nhận nợ đầu tiên. Ngày 07/5/2013, anh H1 tự viết Giấy “Cam kết trả nợ” với số tiền nhận nợ là: 3.200.000.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm triệu đồng*). Như vậy, so với số tiền H1 vay của bà thực tế thì số tiền mà H1 viết trong Giấy cam kết này nhiều hơn, anh H1 nói là để làm tròn. Ngày 04/6/2013, anh H1 vẫn không thực hiện việc trả nợ bà như cam kết, nên bà yêu cầu anh H1 vay bao nhiêu thì viết giấy nợ bấy nhiêu. Nên anh H1 đã viết “Giấy vay tiền”, với số tiền vay thực tế là: 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời gian sau đó, bà đã đòi anh H1 nhiều lần nhưng anh H1 vẫn không trả, hứa hẹn trả tiền rất nhiều nhưng không chịu thực hiện đúng như lời hứa của mình. Năm 2014, bà nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, nhưng sau đó vì không có tiền nộp tạm ứng án phí nên đã rút đơn khởi kiện. Bà tiếp tục đòi anh H1, anh H1 lại tiếp tục hứa trả và lên kế hoạch trả nợ nhưng vẫn không trả tiền cho bà. Ngày 04/10/2020, anh H1 viết lại giấy vay nợ và lại tiếp tục hứa trả và lên kế hoạch trả nợ. Nhưng sau rất nhiều năm, rất nhiều lần hứa hẹn mà anh Nghiêm Xuân H1 đều cố tình không chịu trả nợ. Số tiền mà bà cho anh H1 vay là rất lớn, vợ chồng bà tích góp rất nhiều năm, cả một đời làm lụng vất vả mới chắt bóp dành dụm được. Nhưng đã bị anh H1 lạm dụng chiếm đoạt trong nhiều năm. Vợ chồng bà tuổi ngày một cao, chồng bà vẫn phải đi dạy thêm sau khi nghỉ hưu để kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tuyên buộc anh H1 phải trả cho bà số tiền 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*); Ngoài ra, kính đề nghị Tòa án buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả bà số tiền lãi như nội dung trong đơn khởi kiện bà đã nêu là: lãi suất 10 năm tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước từ ngày 07/5/2013 trên số tiền nợ

3.112.850.000 đồng, tổng cộng là: 6.225.700.000đ (*Sáu tỷ, hai trăm hai lăm triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

Bị đơn ông H1 trình bày: Ông khẳng định giữa ông và bà Nguyễn Thị Thu H là có việc vay tiền, có viết giấy vay, tuy nhiên những giấy vay nợ này do ông viết trong hoàn cảnh, điều kiện ông không minh mẫn, bà H đọc cho ông viết và ký. Số tiền trong giấy vay nợ ông khẳng định không phải là con số chính xác mà giao dịch thực tế vay mượn giữa ông và bà H nhưng đến hiện tại ông cũng không nhớ chính xác là ông vay của bà H bao nhiêu tiền nhưng không phải là số tiền 3.112.850.000 (ba tỷ một trăm mười hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) như bà H đã khởi kiện tại Tòa án.

Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án đối với ý kiến của mình. Nên đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về số tiền gốc và lãi là 6.225.700.000đ (*Sáu tỷ, hai trăm hai lăm triệu, bảy trăm ngàn đồng*). Ông không đồng ý trả số tiền 3.112.850.000 đồng cho bà H và số tiền lãi bà H yêu cầu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị tòa án buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả bà số tiền nợ 3.112.850.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày xét xử là: 3.190.671.250 đồng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Tổng cộng buộc anh H1 phải trả cho bà số tiền: 6.303.521.250 đồng.

Ông Nghiêm Xuân H1 đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Đề nghị tòa án buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả bà H số tiền nợ 3.112.850.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày xét xử là: 3.190.671.250 đồng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Tổng cộng buộc anh H1 phải trả cho bà H số tiền: 6.303.521.250 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H1 phải thanh toán cho bà H số tiền 3.112.850.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn số tiền lãi tính từ ngày 7/5/2013 đến ngày xét xử là: 3.075.666.367 đồng. Tổng cộng buộc ông H1 thanh toán cho bà H số tiền 6.188.516.367 đồng. Ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nghiêm Xuân H1 có hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại Địa chỉ :Số 376 đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Viên 5, phường Cổ N, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên nguyên đơn khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm giải quyết là đúng thẩm quyền theo Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án phát sinh từ tranh chấp vay tiền nên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Bị đơn ông Nghiêm Xuân H1, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt .Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 , Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H1.

[2] Về nội dung vụ án :

Do có quan hệ thân thiết với bà Đàm Thị T1 (bà nội anh Nghiêm Xuân H1) và bố mẹ của anh Nghiêm Xuân H1 nên năm 2011, bà Nguyễn Thị Thu H đã cho anh H1 vay số tiền là 3.112.850.000 đồng (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng không viết giấy vay do tin tưởng anh H1 như con cháu trong nhà. Sau đó anh H1 không trả tiền nên ngày 07/5/2013, bà có yêu cầu anh H1 mới viết Giấy “Cam kết trả nợ” với số tiền nhận nợ là: 3.200.000.000 đồng (*Ba tỷ, hai trăm triệu đồng*). Như vậy, so với số tiền anh H1 vay của bà H thực tế thì số tiền mà anh H1 viết trong Giấy cam kết này nhiều hơn, theo bà H anh H1 nói là để làm tròn. Ngày 04/6/2013, anh H1 vẫn không thực hiện việc trả nợ bà H như cam kết, nên bà H yêu cầu anh H1 vay bao nhiêu thì viết giấy nợ bấy nhiêu. Nên H1 đã viết “Giấy vay tiền”, đúng với số tiền vay thực tế là: 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời gian sau đó, bà H đã đòi anh H1 nhiều lần nhưng anh H1 vẫn cố tình không trả, hứa thì rất nhiều nhưng không chịu thực hiện đúng như lời hứa của mình. Ngày 8/5/2014, bà nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, nhưng vì không có tiền nộp tạm ứng án phí nên đã rút đơn khởi kiện. Sau đó anh H1 lại tiếp tục hứa trả và lên kế hoạch trả nợ nhưng vẫn không trả tiền cho bà. Ngày 04/10/2020 , anh H1 viết lại giấy vay nợ và lại tiếp tục hứa trả và lên kế hoạch trả nợ nhưng anh H1 không thực hiện được .

Nay bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện đề nghị tòa án buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả bà số tiền nợ 3.112.850.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày xét xử là : 3.190.671.250 đồng theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước . Tổng cộng buộc anh H1 phải trả cho bà số tiền : 6.303.521.250 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án , Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiến cận công khai chứng cứ và hòa giải. Hai bên đương sự đã xác nhận có ký 03 giấy vay

tiền ngày 07/5/2013, ngày 04/6/2013 và ngày 04/10/2020. Anh H1 cho rằng số tiền trong các giấy vay nợ không khớp với số tiền anh vay của bà H. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh H1 không cung cấp bất cứ tài liệu nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh của vụ án.

Thời điểm các bên ký kết giấy vay tiền đầu tiên là năm 2013, đây là hợp đồng vay tài sản xác lập trước ngày 01/01/2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005. Nguyên đơn cung cấp các giấy vay tiền, bị đơn cũng xác nhận việc ký các giấy vay tiền trên đối với khoản tiền vay là: 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) là có căn cứ và cần được chấp nhận.

*Về tính lãi suất tiền vay: Trong 03 giấy vay tiền ngày 07/5/2013, ngày 04/6/2013 và ngày 04/10/2020 ký giữa bà Nguyễn Thị Thu H và anh Nghiêm Xuân H1 không có thỏa thuận nào về lãi suất vay. Theo như nội dung giấy vay tiền ngày 07/5/2013 thể hiện anh H1 cam kết sẽ trả số tiền trên trong tháng 5 hoặc tháng 6 năm 2013. Căn cứ vào khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ. nên trả xác định thời gian chậm trả nợ gốc của anh Nghiêm Xuân H1 được tính từ ngày 01/7/2013.

Theo căn cứ quy định tại Điều 476 bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Hội đồng xét xử chia thành các giai đoạn tính lãi cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2016 (1279 ngày) lãi suất cụ thể:

$3.112.850.000 \text{ đồng} \times (9\% \text{ năm} : 365 \text{ ngày}) \times 1279 \text{ ngày} = 981.699.078 \text{ đồng}$

-Từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử là 31/8/2023 (2252 ngày)

$3.112.850.000 \text{ đồng} \times (10\% \text{ năm} : 365 \text{ ngày}) \times 2252 \text{ ngày} = 1.920.585.808 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền lãi anh H1 phải trả cho bà H tính đến ngày xét xử 31/8/2023 là: 2.902.284.886 đồng (*Hai tỉ, chín trăm lẻ hai triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*). Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lãi suất theo yêu cầu tính lãi của bà H là: 2.902.284.886

đồng. Tổng cộng anh Nghiêm Xuân H1 phải trả cho bà H số tiền là : 6.015.134.886 đồng (*Sáu tỉ, không trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*).

Căn cứ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được miễn án phí đối với phần lãi không được chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ : Điều 471, điều 474 , Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 , Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ : Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ : Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thu H với anh Nghiêm Xuân H1. Buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.112.850.000 (*Ba tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) . Chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc anh Nghiêm Xuân H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền lãi : 2.902.284.886 đồng (*Hai tỉ, chín trăm lẻ hai triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*). Tổng cộng anh H1 phải trả cho bà H số tiền là : 6.015.134.886 đồng (*Sáu tỉ, không trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nghiêm Xuân H1 phải chịu : 114.015.135 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, không trăm mười lăm nghìn, một trăm ba lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thùy Chi